

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY ME**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>904,784,308,542</b>	<b>838,588,560,259</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>10,431,744,577</b>	<b>84,966,022,076</b>
1. Tiền	111		431,744,577	11,195,949,723
2. Các khoản tương đương tiền	112		10,000,000,000	73,770,072,353
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>988,103,451</b>	<b>986,841,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	988,103,451	988,103,451
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(1,262,451)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>683,571,557,468</b>	<b>598,017,695,916</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	679,683,191,251	561,310,640,335
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1,807,082,591	11,954,346,776
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng x	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	11,500,460,728	34,171,885,907
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(9,419,177,102)	(9,419,177,102)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>154,891,674,585</b>	<b>126,863,360,671</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	155,583,405,898	127,555,091,984
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(691,731,313)	(691,731,313)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>54,901,228,461</b>	<b>27,754,640,596</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	40,397,049	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		41,138,532,706	8,098,044,934
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	21,692,876
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính ph	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	13,722,298,706	19,634,902,786



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán công ty mẹ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>582,774,148,867</b>	<b>587,858,323,660</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>91,469,793,863</b>	<b>96,670,450,310</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	31,786,451,981	36,742,127,493
<i>Nguyên giá</i>	222		86,198,728,163	88,997,713,018
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(54,412,276,182)	(52,255,585,525)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	57,730,799,347	58,450,742,155
<i>Nguyên giá</i>	228		62,961,546,808	62,961,546,808
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5,230,747,461)	(4,510,804,653)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	1,952,542,535	1,477,580,662
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>491,295,803,484</b>	<b>491,177,503,484</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		491,194,000,000	491,194,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	1,059,782,641	941,482,641
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(957,979,157)	(957,979,157)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8,551,520</b>	<b>10,369,866</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8,551,520	10,369,866
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	-	-
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,487,558,457,409</b>	<b>1,426,446,883,919</b>



**Bảng cân đối kế toán công ty mẹ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>696,593,201,139</b>	<b>704,485,000,718</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>696,437,201,139</b>	<b>704,329,000,718</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	500,683,203,280	436,737,857,723
2. Phải trả người bán	312	V.17	138,102,578,775	208,633,805,590
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	6,309,658,634	34,098,289,325
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	4,075,728,316	11,093,238,878
5. Phải trả người lao động	315	V.20	322,720,394	562,194,432
6. Chi phí phải trả	316	V.21	1,629,311,716	1,029,311,716
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng x	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn kh	319	V.22	42,439,041,783	9,784,886,270
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	2,874,958,241	2,389,416,784
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính ph	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>156,000,000</b>	<b>156,000,000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	156,000,000	156,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>790,965,256,270</b>	<b>721,961,883,201</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>790,965,256,270</b>	<b>721,961,883,201</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	614,356,040,000	501,360,900,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	160,852,283,540	160,852,283,540
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(58,638,685,584)	(58,638,685,584)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		26,956,805,237	26,017,792,309
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2,512,121,366	2,479,121,366
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		44,926,691,711	89,890,471,570
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố đ	433		-	-
<b>C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,487,558,457,409</b>	<b>1,426,446,883,919</b>

381282  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 CÔNG NGHIỆP  
 VIỆT-T. BÌNH

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2014

Vũ Thị Vui



Người lập

Nguyễn Thị Phước Diên



Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Nghĩa

CÔNG TY CỔ PHẦN

ĐẠI THIÊN LỘC

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Quý 2 Năm 2014**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	834,248,552,615	879,943,614,270	1,306,280,879,761	1,301,475,229,497
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	10,849,824	29,603,840	10,849,824	29,603,840
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	834,237,702,791	879,914,010,430	1,306,270,029,937	1,301,445,625,657
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	827,282,623,359	868,504,608,778	1,288,698,127,804	1,283,342,791,892
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6,955,079,432	11,409,401,652	17,571,902,133	18,102,833,765
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11,206,485,223	10,209,791,435	18,605,884,688	19,482,046,442
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9,969,727,007	12,457,868,187	16,656,270,312	20,788,112,803
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8,301,102,065	8,317,805,865	14,722,020,662	16,192,867,799
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	4,301,238,887	2,742,899,669	8,012,455,770	3,869,863,044
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4,098,838,631	3,537,674,596	10,629,448,127	9,858,236,147
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(208,239,870)	2,880,750,635	879,612,612	3,068,668,213
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2,150,409,836	55,366,522,955	2,428,485,199	55,397,012,210
12. Chi phí khác	32	VI.8	1,362,409,816	57,804,748,464	2,522,132,759	57,805,544,608
13. Lợi nhuận khác	40		788,000,020	(2,438,225,509)	(93,647,560)	(2,408,532,398)
14. Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		579,760,150	442,525,126	785,965,052	660,135,815
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	550,547,233	418,119,391	603,535,022	460,559,414
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-



18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	29,212,917	24,405,735	182,430,030	199,576,401
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	-	-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	29,212,917	24,405,735	182,430,030	199,576,401
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-	-

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2014

Vũ Thị Vui

*(Handwritten signature)*

Người lập

Nguyễn Thị Phước Diên

*(Handwritten signature)*

Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Nghĩa

*(Handwritten signature)*

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, P Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		579,760,150	660,135,815
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2,971,871,560	5,288,231,642
- Các khoản dự phòng	03		-	595,429,049
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực	04		1,529,081,585	3,282,844,612
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,818,417,374)	(860,008,245)
- Chi phí lãi vay	06		8,301,102,065	16,192,867,799
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10,563,397,986	25,159,500,672
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(118,594,349,324)	(134,411,820,083)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17,723,141,507)	(5,536,534,067)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(82,627,859,000)	315,948,283,463
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(38,578,703)	(15,681,817)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(8,301,102,065)	(17,932,082,745)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		144,362,644,617	218,974,413,479
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(136,530,616,434)	(212,846,754,059)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>20</b>		<b>(208,889,604,430)</b>	<b>189,339,324,843</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(127,600,000)	(1,852,678,435)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1,750,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(118,300,000)	(372,947,308)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị kh	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận đ	27		2,818,417,374	182,324,356
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu</b>	<b>30</b>		<b>4,322,517,374</b>	<b>(2,043,301,387)</b>



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ công ty mẹ** (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		66,087,570,000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		707,556,317,405	497,936,286,785
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(643,611,077,848)	(612,344,447,098)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>130,032,809,557</b>	<b>(114,408,160,313)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(74,534,277,499)</b>	<b>72,887,863,143</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>84,966,022,076</b>	<b>24,160,032,735</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy	61		-	13,253,329
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	V.1	<b>10,431,744,577</b>	<b>97,061,149,207</b>

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2014



*(Handwritten signature)*

*(Handwritten signature)*

*(Handwritten signature)*

Vũ Thị Vui  
 Người lập

Nguyễn Thị Phước Diên  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Nghĩa  
 Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.*

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là Công ty) (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Phú Tân, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 614.356.040.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh tại 507 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 69 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo B, Phường 5, Thị xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 14/20 Quốc Lộ 1A, ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại 105/49A ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất chính: Sản xuất thép cán nóng P/O, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gò thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gò.
- Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu.
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng.
- Sản xuất tấm lợp các loại.
- Mua bán sắt thép các loại.
- Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Mua bán nông sản.
- Mua bán vỏ, ruột xe.
- Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
- Xây dựng nhà các loại.
- Thi công hệ thống điện công trình.
- Thi công hệ thống nước công trình.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Đúc sắt, thép.
- Sản xuất thép xây dựng, thép hình.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

- Chế biến nông sản.
- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.
- Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

#### **1.4. Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Công ty có 65 nhân viên đang làm việc.

#### **2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

##### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

##### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

#### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

##### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

##### **3.2. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

##### **3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

#### **4. Các chính sách kế toán áp dụng**

##### **4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

##### **4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

##### **4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

##### **4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

#### ▪ Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

#### ▪ Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### ▪ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### ▪ Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

#### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

##### ▪ Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

##### ▪ Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

##### ▪ Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### ▪ Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

##### ▪ Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	14 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản cố định vô hình – Phần mềm máy tính	08 năm
+ Tài sản cố định vô hình – Quyền sử dụng đất có thời hạn	39 – 48 năm

#### 4.7. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### 4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu có thực nhận (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

#### 4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

- Thặng dư vốn cổ phần

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung của cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giám vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	<u>Mục đích</u>	<u>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính hợp nhất</u>
+ Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

#### 4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### 4.12. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế:

Đối với hoạt động thương mại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 06 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2011).

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

Đối với hoạt động sản xuất, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2013).

▪ Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 4.13. Công cụ tài chính

▪ Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

▪ Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.14. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 4.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

### 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

#### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	68.766.391	160.180.168
Tiền gửi ngân hàng	362.978.186	11.035.139.555
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	73.770.702.353
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.431.744.577</b>	<b>84.966.022.076</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	988.103.451	988.103.451
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.262.451)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>988.103.451</b>	<b>986.841.000</b>

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Đông Hải Bến Tre	113.430	988.103.451	113.430	988.103.451

**5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	679.683.191.251	561.310.640.335
Trả trước cho người bán	1.807.082.591	11.954.346.776
Các khoản phải thu khác	11.500.460.728	34.171.885.907
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>692.990.734.570</b>	<b>607.436.873.018</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(9.419.177.102)	(9.419.177.102)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>683.571.557.468</b>	<b>598.017.695.916</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty

Xem thêm mục 8.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan chi hộ, cho mượn –	932.686.480	4.661.991.371
Tiền cho công nhân viên vay	500.000.000	500.000.000
Thuế Giá trị gia tăng chờ khấu trừ		2.384.765.751
Thuế Giá trị gia tăng chờ hoàn	7.942.770.781	22.242.813.785
Thuế nhập khẩu chờ được hoàn		1.584.922.724
Phải thu khác	2.125.003.467	2.797.392.276
<b>Cộng</b>	<b>11.500.460.728</b>	<b>34.171.885.907</b>

Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	(20.998)	(20.998)
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 02 năm	(216.591.618)	(216.591.618)
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 03 năm	(2.492.016.235)	(2.492.016.235)
Khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	(6.710.548.251)	(6.710.548.251)
<b>Cộng</b>	<b>(9.419.177.102)</b>	<b>(9.419.177.102)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.4. Hàng tồn kho**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	10.305.172.407	2.578.901.640
Nguyên liệu, vật liệu	50.572.598.637	18.070.656.910
Công cụ, dụng cụ	3.820.483.926	3.429.870.479
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	234.082.286	146.409.718
Thành phẩm	72.000.877.517	75.417.419.742
Hàng hóa	18.650.191.125	27.911.833.495
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>155.583.405.898</b>	<b>127.555.091.984</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(691.731.313)	(691.731.313)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>154.891.674.585</b>	<b>126.863.360.671</b>

Một số hàng tồn kho được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ vay.

**5.5. Tài sản ngắn hạn khác**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	121.280.420	121.280.420
Tạm ứng	3.061.624.520	3.012.741.810
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.539.393.766	16.500.880.556
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.722.298.706</b>	<b>19.634.902.786</b>

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn là khoản ký quỹ dùng để mở LC thanh toán.

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	ĐVT: ngàn đồng	
				Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	16.931.484	47.170.050	24.337.235	558.944	88.997.713
Mua trong kỳ	-	127.600	-	-	127.600
Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.926.585	-	2.926.585
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>16.931.484</b>	<b>47.297.650</b>	<b>21.410.650</b>	<b>558.944</b>	<b>86.198.728</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	8.518.575	29.622.401	13.700.153	414.456	52.255.585
Khấu hao trong kỳ	451.190	1.287.339	393.350	24.812	2.156.691
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8.067.385</b>	<b>30.909.740</b>	<b>14.093.503</b>	<b>439.268</b>	<b>54.412.276</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	8.412.909	17.547.649	10.637.082	144.488	36.742.128
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>8.864.099</b>	<b>16.387.910</b>	<b>7.317.147</b>	<b>119.676</b>	<b>31.786.452</b>

Một phần giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng để thế chấp cho các khoản vay – Xem thêm mục 5.10 và 5.17.

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
-----------	-------------------	----------------------	-----------



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>62.870.247.808</b>	<b>91.299.000</b>	<b>62.961.546.808</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.453.742.788	57.061.865	4.510.804.653
Khấu hao trong kỳ	714.236.622	5.706.186	719.942.808
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.167.979.410</b>	<b>62.768.051</b>	<b>5.230.747.461</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	58.416.505.020	34.237.135	58.450.742.155
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>57.702.268.398</b>	<b>28.530.949</b>	<b>57.730.799.347</b>
<b>5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>			
		<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Công trình văn phòng, nhà xưởng, máy móc		619.837.756	293.260.412
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định		1.332.704.779	1.184.320.250
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.952.542.535</b>	<b>1.477.580.662</b>
<b>5.9. Đầu tư tài chính dài hạn</b>			
		<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Đầu tư vào công ty con		491.194.000.000	491.194.000.000
Đầu tư dài hạn khác		1.059.782.641	941.482.641
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>		<b>491.295.803.484</b>	<b>492.135.482.641</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(957.979.157)	(957.979.157)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>491.295.803.484</b>	<b>491.177.503.484</b>

Đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
	Giá trị	Giá trị
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	482.000.000.000	482.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	9.194.000.000	9.194.000.000
<b>Cộng</b>	<b>491.194.000.000</b>	<b>491.194.000.000</b>

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295237 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 12 năm 2012 vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV thép Đại Thiên Lộc là 482.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, tổng số vốn Công ty đã đầu tư là 482.000.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295519 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV tôn Đại Thiên Lộc là 15.000.000.000 đồng. Tổng số vốn Công ty đã đầu tư là 9.194.000.000 đồng, tương đương 61,29% vốn điều lệ. Theo nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 02 tháng 10 năm 2013, Công ty quyết định chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc để tái cơ cấu toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục đích nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng DTL với tỷ lệ vốn góp theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh là 15%.

#### 5.10. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	499.638.470.030	433.393.980.473
Vay đối tượng khác	984.733.250	984.733.250
Vay dài hạn đến hạn trả	60.000.000	2.359.144.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>500.683.203.280</b>	<b>436.737.857.723</b>

Các khoản vay ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu, chịu lãi suất từ 4,55%/năm đến 6,8%/năm đối với USD và từ 7,9%/năm đến 14%/năm đối với VND và được đảm bảo bằng:

- Hàng tồn kho
- Tài sản cố định hữu hình
- Tài sản cố định vô hình
- Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân và các công ty khác dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất từ 1,65%/tháng đối với VND.

Vay và nợ dài hạn đến hạn trả: Xem thêm mục 5.17.

#### 5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	138.102.578.775	208.633.805.590
Người mua trả tiền trước	6.309.658.634	34.098.289.325
<b>Tổng cộng</b>	<b>144.412.237.409</b>	<b>242.732.094.915</b>

#### 5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng		19.886.496
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		
Thuế xuất, nhập khẩu	3.766.586.837	9.224.003.563
Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.545.292.285
Thuế thu nhập cá nhân	309.141.479	304.056.534
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.075.728.316</b>	<b>11.093.238.878</b>

#### 5.13. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 06 năm 2014 còn phải trả.

#### 5.14. Chi phí phải trả

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí lãi vay	1.525.581.671	925.581.671
Chi phí khác	103.730.045	103.730.045
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.629.311.716</b>	<b>1.029.311.716</b>
<b>5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	51.366.592	31.402.724
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	95.623.948	99.357.975
Cổ tức phải trả	152.737.500	152.737.500
Thu hộ tiền hàng – Xem thêm mục 8.	1.626.737.500	1.626.938.667
Tiền mượn , nhờ chi hộ – Xem thêm mục 8.	36.503.034.518	2.573.781.010
Các khoản phải trả lâu năm	1.807.828.866	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.201.712.859	5.300.668.394
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.439.041.783</b>	<b>9.784.886.270</b>
<b>5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>		
	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	2.389.416.784	5.292.988.954
Trích lập trong kỳ	485.440.457	395.554.000
Sử dụng trong kỳ		(3.299.126.170)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.874.958.241</b>	<b>2.389.416.784</b>
<b>5.17. Vay và nợ dài hạn</b>		

Vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 48 tháng đến 60 tháng với lãi suất dao động theo lãi suất tiền gửi của ngân hàng cộng biên độ phù hợp do các ngân hàng quy định từng thời kỳ, Xem thêm mục 5.10.

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng:

- Tài sản cố định hữu hình.
- Tài sản cố định vô hình

(Phần tiếp theo ở trang 20)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.18. Vốn chủ sở hữu****5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm</b>	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	26.017.792.309	2.479.121.366	89.890.471.570	721.961.883.201
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	182.430.030	182.430.030
Trích lập quỹ	-	-	-	939.012.928	84.000.000	-	1.023.012.928
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(45.146.209.889)	(45.146.209.889)
Chi quỹ	-	-	-	-	(51.000.000)	-	(51.000.000)
Tăng khác	112.995.140.000	-	-	-	-	-	112.995.140.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>614.356.040.000</b>	<b>160.852.283.540</b>	<b>(58.638.685.584)</b>	<b>26.956.805.237</b>	<b>2.512.121.366</b>	<b>44.926.691.711</b>	<b>790.965.256.270</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.***5.18.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Cuối kỳ		Đầu Năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	275.677.330.000	44,87	216.395.970.000	43,16
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	78.999.520.000	12,86	71.817.750.000	14,32
Vốn góp của các đối tượng khác	259.679.190.000	42,27	213.147.180.000	42,52
<b>Tổng cộng</b>	<b>614.356.040.000</b>	<b>100,00</b>	<b>501.360.900.000</b>	<b>100,00</b>

**5.18.3. Cổ tức**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01-2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013. Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu cho năm tài chính 2012 với tỷ lệ 10% tương đương số tiền là 46.908.250.000 đồng. Tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2013, Công ty vẫn chưa phê duyệt phương án chia cổ tức, theo đó chưa thực hiện chia cổ tức cho cổ đông.

**5.18.4. Cổ phần**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	61.863.152	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	61.863.152	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	3.227.840	3.227.840
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	58.207.764	46.908.250
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

**5.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phần**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa	1.136.864.989.290	1.234.419.194.338
Doanh thu bán thành phẩm	169.415.890.471	67.056.035.159
Doanh thu bán nguyên vật liệu; phế liệu		
Doanh thu khác		
Hàng bán bị trả lại, giảm giá	(10.849.824)	(29.603.840)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.306.270.029.937</b>	<b>1.301.445.625.657</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.124.108.611.337	1.234.987.802.157
Giá vốn của thành phẩm đã bán	164.589.516.467	47.714.544.264
Giá vốn khác		

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Kỳ này	Kỳ trước
<i>Trích thêm/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá HTK</i>		590.445.471
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.288.698.127.804</b>	<b>1.283.292.791.892</b>
<b>6.3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.105.884.688	1.258.530.199
Lãi bán hàng trả chậm	15.500.000.000	18.233.516.243
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.605.884.688</b>	<b>19.482.046.442</b>
<b>6.4. Chi phí hoạt động tài chính</b>		
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chi phí lãi vay	14.656.270.312	16.192.867.799
Lỗ chênh lệch tỷ giá / chi phí khác	1.934.249.650	4.595.245.004
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.656.270.312</b>	<b>20.788.112.803</b>
<b>6.5. Chi phí bán hàng</b>		
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.012.455.770</b>	<b>3.869.863.044</b>
<b>6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.629.448.127</b>	<b>9.858.236.147</b>
<b>6.7. Thu nhập khác</b>		
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Thu nhập khác	2.428.485.199	55.397.012.210
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.428.485.199</b>	<b>55.397.012.210</b>
<b>6.8. Chi phí khác</b>		
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chi phí khác	2.522.132.759	57.805.544.608
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.522.132.759</b>	<b>57.805.544.608</b>
<b>7. Báo cáo bộ phận</b>		

Công ty không lập báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận", trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì báo cáo bộ phận chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 8. Thông tin về các bên có liên quan

▪ Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây Dựng Đại Thiên Lộc	Công ty đầu tư
4. Công ty TNHH Sản xuất thép Tâm Đức	Cổ đông lớn
5. Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Cổ đông lớn
6. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
7. Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thiên Lộc	Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải thu bán hàng – Xem thêm mục 5.3	634.429.831.959	501.460.298.796
Phải thu khác - Xem thêm mục 5.3	932.686.480	4.661.991.371
Phải trả bán hàng - Xem thêm mục 5.11	3.239.035.225	(4.258.825.716)
Phải trả khác - Xem thêm mục 5.15	(7.097.675.953)	(4.874.297.577)

Giá bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Trong năm Công ty có bán hàng trả chậm cho các bên liên quan với lãi suất 0,0 % đến 0,041%/ngày.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	<b>Kỳ này</b>
Thù lao Hội đồng Quản trị	
Thu nhập ban Tổng Giám đốc	260.093.275
<b>Tổng cộng</b>	<b>260.093.275</b>

### 9. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

### 10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính


Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 14 tháng 08 năm 2014.

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

  
VŨ THỊ VUI

  
NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN



  
NGUYỄN THANH NGHĨA